

Biểu số 01

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÂN BỐ CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 THUỘC NGÂN SÁCH PHƯƠNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Trung ương giao			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao			Tổng kế hoạch trung hạn đã phân bổ đến kế hoạch năm 2019	Trong đó				Tỷ lệ đã bố trí/KH trung hạn	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019		
			Phân bổ thực hiện	Dự phòng		Phân bổ thực hiện	Dự phòng							
	Tổng số	4.179.567	3.761.610	417.957	5.901.079	5.374.555	526.524	3.587.767	857.241	957.429	961.218	811.880	60,80	
I	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	4.179.567	3.761.610	417.957	5.637.093	5.117.704	519.389	3.470.707	843.909	898.644	950.324	777.830	61,57	
1	Vốn đầu tư cân đối NSDP theo tiêu chí	2.809.567	2.528.610	280.957	2.809.567	2.809.567		1.950.719	460.200	506.220	491.469	492.830	69,43	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1.035.000	931.500	103.500	2.332.951	1.881.969	450.982	1.190.568	304.001	296.752	389.815	200.000	51,03	
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	335.000	301.500	33.500	491.111	422.704	68.407	325.956	78.708	93.208	69.040	85.000	66,37	
4	Nguồn bán cây đứng DA rừng bền vững Đắk Tô và hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước				3.464	3.464		3.464	1.000	2.464			100,00	
II	Nguồn vốn vay				99.041	99.041		29.001			3.451	25.550	29,28	
	Vốn ODA vay lại theo quy định của Chính phủ				99.041	99.041		29.001			3.451	25.550	29,28	
III	Chi từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương				164.945	157.810	7.135	88.060	13.332	58.785	7.443	8.500	53,39	
1	Nguồn thu tiền quyền sử dụng rừng				44.137	44.137		43.137	10.782	32.355			97,73	
2	Các nguồn thu để lại khác				120.808	113.673	7.135	44.923	2.550	26.430	7.443	8.500	37,19	
-	Nguồn thu từ việc chuyển nhượng CSHT tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Tô				21.075	21.075		21.075		21.075			100,00	
-	Nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình				1.155	1.040	115	1.040			1.040		90,04	
-	Phi sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y				67.333	60.600	6.733	15.258		5.355	6.403	3.500	22,66	
-	Nguồn vượt thu thuế xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y				2.550	2.550		2.550	2.550				100,00	
-	Các nguồn vốn khác				28.695	28.408	287	5.000				5.000	17,42	

Biểu số 02

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	QĐ chủ trương đầu tư	Khái toán vốn đầu tư	Nhu cầu bổ sung vốn 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ				2.051.514	450.982	
I	Các dự án đề nghị bổ sung mới				1.843.071	394.557	
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kon Tum	Đăk Hà	QĐ 234-14/3/19 của UBND tỉnh	22.615	11.300	
2	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	TB 04-25/01/19	212.516	40.000	
3	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	TB 09-14/3/19	272.240	40.000	
4	Đường Nguyễn Hữu Cầu nối dài (đoạn Trần Nhân Tông - Trường Chinh)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	QĐ 430-04/5/19	30.800	27.682	
5	Dự án đầu tư hạ tầng, tạo quỹ đất phát triển khu sản xuất theo quy hoạch	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	TB 09-14/3/19	152.000	30.000	
6	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	TB 08-14/3/19; TB 11-14/3/19	87.000	30.000	
7	Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	TB 08-14/3/19; TB 11-14/3/19	57.000	30.000	
8	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	TB 12-14/3/19	388.900	85.575	
9	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam sông Đăk Bla thuộc Đồ án quy hoạch chi tiết Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	Đang trình	620.000	100.000	BCS Đảng UBND tỉnh đang trình BTVTU cho ý kiến trước khi trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (tại Tờ trình số 143-19/4/2019); Giai đoạn 2016-2020 bố trí khoảng 100 tỷ để CBĐT, BT-GPMB
II	Các dự án đã có trong kế hoạch trung hạn				208.443	56.425	
1	Trụ sở làm việc của các Sở, ban ngành thuộc khối văn hóa xã hội	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	912-22/8/2016 510-23/5/2018	165.568	46.425	Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đã được HĐND tỉnh giao 102.574,8 triệu đồng
2	Xây dựng điểm dân cư số 64 (Trung tâm hành chính xã VI) thuộc xã Ia Tơi	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	Đang trình	42.875	10.000	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất 10 tỷ, cân đối NSDP 22,330 tỷ

Biểu số 03

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐTPT NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân
tỉnh)**

TT	Địa phương	Năm đạt chuẩn	Tổng điểm	Dự kiến phân bổ GP 2019-2020	Ghi chú
	Tổng số		40	10.000	
I	TP. Kon Tum		10	2.500	
1	Đoàn Kết	2014	4	1.000	
2	Hòa Bình	2015	3	750	
3	Ia Chim	2015	3	750	
II	Huyện Đắk Hà		13	3.250	
1	Hà Môn	2012	6	1.500	
2	Đắk Mar	2014	4	1.000	
3	Đắk La	2015	3	750	
III	Huyện Đắk Tô		6	1.500	
1	Diên Bình	2015	3	750	
2	Tân Cảnh	2015	3	750	
IV	Huyện Sa Thầy		5	1.250	
1	Sa Sơn	2015	3	750	
2	Sa Nhơn	2016	2	500	
V	Huyện Ngọc Hồi		4	1.000	
1	Đắk Nông	2016	2	500	
2	Đắk Kan	2016	2	500	
VI	Huyện Kon Rẫy		2	500	
1	Đắk Rừng	2016	2	500	

Bình quân kinh phí/điểm (10.000/40):

250 Triệu đồng